

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HSST

Ngày: 16/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành, cán bộ hưu trí xã Văn Đức, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Vũ Thị M Hằng, cán bộ hưu trí phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư L, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình S thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 03/5/2017 đối với bị cáo:

Trần Thị S, sinh năm 1960

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 499, khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 07/10; con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Mao Thị G; có chồng là Dương Đình T và có 03 con; tiền S, tiền án: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ 05/01/2017 đến ngày 08/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984

Trú tại: Khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1977

Trú tại: Khu dân cư M, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Hoàng Công T, sinh năm 1986

Trú tại: Khu dân cư C, phường C, thị xã C, Hải Dương.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Thị S bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 12 năm 2006, Trần Thị S muốn kiếm thêm thu nhập nên nảy sinh ý định sắp xếp để gái bán dâm cho khách tại nơi ở của mình tại số nhà 499, khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương. S đã thỏa thuận với Đỗ Thị T, sinh năm 1977, trú tại: Khu dân cư M, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương và Nguyễn Thị M, sinh năm 1984, trú tại khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nếu có khách mua dâm S sẽ sắp xếp cho Đỗ Thị T và M bán dâm cho khách ngay tại nơi ở của S, mỗi lần bán dâm sẽ thu của khách số tiền 150.000đ/01 lần mua dâm, số tiền trên sẽ được chia Đỗ Thị T được hưởng 80.000đ còn S hưởng 70.000đ; đối với M hưởng 90.000đ, S hưởng 60.000đ.

Khoảng 11 giờ 00 ngày 05/01/2017, khi S đang ở nhà thì có Hoàng Công T, sinh năm 1986, trú tại: Khu dân cư Chi Ngải 1, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cùng với Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, trú tại: Thôn V, xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương đến mua dâm, Hoàng Công T gặp S và nói “Cho cháu hai nhân viên”, S hiểu là khách muốn mua dâm và nói “đợi một tý”. S dùng điện thoại di động hiệu Mastel Fami 22, số sim 01656390968 gọi vào số 0976000911 cho Đỗ Thị T và nói “ra đây một tý”, Đỗ Thị T đồng ý. Sau đó S tiếp tục gọi điện cho M nói “sang hộ cô một tý”, M đồng ý. Sau khi gọi điện cho Đỗ Thị T và M thì S quay sang nói với Hoàng Công T và Nguyễn Văn T “Ok, đợi một tý”. Được khoảng 5 phút thì M đến nói với S “cháu đi với ai”, S nói “cháu đi với ai thì đi”, M hỏi “ở đâu?”, S nói “lên tầng 2”. S đưa cho M 01 chiếc bao cao su nhãn hiệu Condonhualei màu trắng để M sử dụng vào việc bán dâm. Hoàng Công T hỏi S “bao nhiêu tiền cháu trả” (ý nói là bao nhiêu tiền 1 lần mua dâm), S nói “150.000đ một người”, Hoàng Công T nói “cháu trả tiền”, S nói “tý đi xong thì trả”. Hoàng Công T đi theo M lên phòng ngủ tầng 2 bên trái, cạnh cầu thang để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Cùng lúc đó Đỗ Thị T đến, S nói với Đỗ Thị T “hai đứa đi xuống bếp” (ý nói đi xuống phòng ngủ cạnh bếp”, Đỗ Thị T đi xuống phòng ngủ tầng 1 cạnh bếp, Nguyễn Văn T đứng dậy đi theo Đỗ Thị T, cả hai cùng nhau thực hiện hành vi mua bán dâm. Khoảng 10 phút sau khi thực hiện xong hành vi mua, bán dâm Hoàng Công T và M đi xuống phòng khách ngồi uống nước cùng S để chờ Nguyễn Văn T và Đỗ Thị T, M nói với S “Trả tiền cho con về”, S quay sang nói với Hoàng Công T “Mày trả tiền cho nó về”, Hoàng Công T đưa cho S 01 tờ tiền mệnh 200.000đ, S trả lại cho Hoàng Công T 50.000đ và lấy số tiền 90.000đ đưa cho M. M cầm tiền đi về thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang tại phòng

ngủ tầng 1 cạnh bếp Nguyễn Văn T và Đỗ Thị T đang thực hiện hành vi mua bán dâm; M và Hoàng Công T vừa thực hiện xong hành vi mua bán dâm.

Thu giữ tại phòng ngủ tầng 1 cạnh bếp 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu conmom hualei màu trắng; tại phòng ngủ tầng 2 thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Comdom, Hualei màu trắng; thu giữ trên người S số tiền 200.000đ; trên người Hoàng Công T số tiền 150.000đ; trên người M số tiền 90.000đ. Trần Thị S tự nguyện giao nộp 04 chiếc bao cao su nhãn hiệu Comdom chưa qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel Fami 22, số IMEL: 353541073394153 lắp sim số 01656390968 (điện thoại dùng để liên lạc với Đỗ Thị T và M); Đỗ Thị T giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1, số IMEL: 0351679053257412, lắp sim số 0976000911.

Cáo trạng số 22/VKS-HS, ngày 24/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình S.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến thắc mắc, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 254, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60; điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình S năm 1999; Điều 99, điểm c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình S năm 2015; Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 17/11/2015; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị xử phạt Trần Thị S từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo về UBND nơi cư trú để giám sát và giáo dục; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về vật chứng: Tịch thu của Trần Thị S số tiền 200.000đ; của Nguyễn Thị M 90.000đ; của Hoàng Công T 150.000đ sung quỹ Nhà nước; tịch thu của S 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 04 bao cao su chưa sử dụng, 01 sim số 01656390968; của Đỗ Thị T 01 sim số 01656390968 cho hủy bỏ. tịch thu của S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel Fami 22, của Đỗ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1 cho phát mại sung quỹ nhà nước; bị cáo phải nộp án phí hình S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: “Khoảng 11 giờ 00 ngày 05/01/2017, tại nơi ở của Trần Thị S ở số nhà 499, khu dân cư Nguyễn Trãi 2, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, S đã sắp xếp cho Nguyễn Thị M và Đỗ Thị T quan hệ mại dâm với Hoàng Công T và Nguyễn Văn T tại nơi ở của S, S đã trực tiếp thu của Hoàng Công T số tiền 150.000đ, sau khi M và Hoàng Công T thực hiện xong hành vi mua bán dâm; đối tượng Đỗ Thị T và Nguyễn Văn T đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an thị xã Chí Linh phát hiện bắt quả tang”.

Bị cáo Trần Thị S có đủ năng lực trách nhiệm hình S; thực hiện hành vi trực tiếp thu của người mua dâm và sắp xếp cho hai đôi mua bán dâm trong cùng một khoảng thời gian là Nguyễn Thị M và Đỗ Thị T quan hệ mại dâm với Hoàng Công T và Nguyễn Văn T tại nhà ở thuộc quyền sở hữu của vợ chồng S nên đã phạm vào tội “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình S. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được Bộ luật hình S bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo biết rõ pháp luật quy định nghiêm cấm mọi hành vi mại dâm nhưng với động cơ và mục đích tư lợi, bị cáo cố ý thỏa thuận với người mua, bán dâm về giá mua bán dâm; trực tiếp thu của người mua dâm; trong cùng một khoảng thời gian trực tiếp sắp xếp cho cho hai đôi mua bán dâm với nhau tại nơi ở thuộc quyền sở hữu của vợ chồng S, gây ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, trật tự an toàn xã hội, còn có nguy cơ gây lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác nên cần áp dụng đối với bị cáo một hình phạt tù có thời hạn đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S: Bị cáo không phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S: Sau khi phạm tội tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Trần Văn P là người có công được tặng thưởng Huân chương, Huy chương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 17/11/2015; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ (người phạm tội là con của người có công với cách mạng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015).

Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình S; chưa có tiền án tiền S, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn tôn trọng quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội do vụ lợi nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo số tiền 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

Công an thị xã Chí Linh đã thu giữ của bị cáo S số tiền 200.000đ trong đó có 150.000đ do phạm tội mà có, số tiền 50.000đ là tài sản của bị cáo tự nguyện không nhận lại; đã thu giữ của Nguyễn Thị M số tiền 90.000đ do thu nhập bất chính mà có, đã thu giữ của Hoàng Công T số tiền 150.000đ dùng vào việc phạm tội nên phải cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Thu giữ của S 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 04 bao cao su chưa sử dụng, 01 sim số 01656390968 dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng; đã thu giữ của Đỗ Thị T 01 sim số 0976000911 dùng để liên lạc với S không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho hủy bỏ.

Thu giữ của S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel Fami 22, số IMEL: 353541073394153 dùng vào việc phạm tội, thu giữ của Đỗ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1, số IMEL: 0351679053257412 dùng liên lạc với S nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Đối với hành vi mua bán dâm của Đỗ Thị T, Nguyễn Thị M, Hoàng Công T, Nguyễn Văn T; Công an thị xã Chí Linh đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo S bị kết án nên phải chịu án phí hình S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình S 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình S 2015; Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 17/11/2015; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa XIII cho bị cáo hưởng quy định một hình phạt nhẹ

hơn; hưởng tình tiết giảm nhẹ (người phạm tội là con của người có công với cách mạng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015).

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 18 tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Giao Trần Thị S về Ủy ban nhân dân phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình S.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Thị S mức 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

Tịch thu của Trần Thị S số tiền 200.000đ đã thu giữ (trong đó có 150.000đ do phạm tội mà có, 50.000đ là tài sản của S tự nguyện không nhận lại); của Nguyễn Thị M số tiền 90.000đ thu nhập bất chính mà có, của Hoàng Công T số tiền 150.000đ dùng vào việc phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của S 02 vỏ bao cao su, 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 04 bao cao su chưa sử dụng, 01 sim số 01656390968 dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng; của Đỗ Thị T 01 sim số 0976000911 dùng để liên lạc với S, không còn giá trị sử dụng cho hủy bỏ.

Tịch thu của S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel Fami 22, số IMEL: 353541073394153 dùng vào việc phạm tội, của Đỗ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1, số IMEL: 0351679053257412 dùng liên lạc với S cho phát mại sung quỹ Nhà nước (toàn bộ vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị S phải nộp 200.000^d án phí hình S sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M, Đỗ Thị T, Hoàng Công T vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Chí Linh;
- Công an thị xã Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án DS. TX. Chí Linh;
- Sở tư pháp HD;
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngọc